SỞ Y TẾ HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Số 84 Nguyễn Tất Tố, Lê Chân, Hải Phòng
Khoa Sức khỏe môi trường và Y tế trường học – Tầng 4, Tòa A

VILAS 513

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Loại mẫu: Nước sạch
2. Thông tin mẫu: 01 chai nhựa x 1000ml, 01 chai thủy tinh nút mài x 250ml/mẫu, mẫu được bảo quản
3. Ngày lấy mẫu: 06/4/2026
4. Đơn vị yêu cầu lấy mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH SỐ 2 HẢI PHÒNG
5. Địa điểm lấy mẫu:

- **Mẫu 1:** Nhà máy nước sạch số 2 - Tổ dân phố Do Nha, phường An Dương, thành phố Hải Phòng (mã số mẫu 1301-1647N)
- **Mẫu 2:** Số 405 đường 5/4 Hùng Vương - phường Hồng An, thành phố Hải Phòng (mã số mẫu 1302-1648N)
- **Mẫu 3:** Khu công nghiệp Nhật Bản - Hải Phòng , phường Hồng An, thành phố Hải Phòng (mã số mẫu 1303-1649N)
- **Mẫu 4:** Trường mầm non Nam Sơn - Tổ dân phố Cách Hạ, phường An Dương, thành phố Hải Phòng (mã số mẫu 1305-1651N)

6. Yêu cầu kiểm nghiệm: Theo phiếu yêu cầu
7. Thời gian kiểm nghiệm: Từ ngày 06/4/2026 đến ngày 17/4/2026
8. Kết quả:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả				Giới hạn tối đa cho phép theo QCĐP 02:2023/TPHP
				Mẫu 1	Mẫu 2	Mẫu 3	Mẫu 4	
1	Màu sắc	TCU	TCVN 6185 : 2015*	<5	<5	<5	<5	15
2	Mùi, vị		TCCS 61 : 2016	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
3	Độ đục	NTU	TCVN 12402-1:2020*	0,09	0,08	0,07	0,06	2
4	pH		TCVN 6492:2011*	7,22	7,22	7,25	7,24	6,0 – 8,5
5	Nitrit (NO_2^- tính theo N)	mg/L	TCVN 6178 : 1996*	KPH *(LOD=0,002)*	KPH *(LOD=0,002)*	KPH *(LOD=0,002)*	KPH *(LOD=0,002)*	0,05

Chú thích:
1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử.
2. Không được trích sao từng phần kết quả thử nghiệm nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của lãnh đạo TT Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng.
3. Tên, địa chỉ của khách hàng và mẫu được ghi theo yêu cầu của đơn vị gửi mẫu .
4. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định.
5. Chỉ tiêu có dấu * là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017
6. Chỉ tiêu có dấu ** là chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ

Được quét bằng CamScanner

SỞ Y TẾ HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Số 84 Nguyễn Tất Tố, Lê Chân, Hải Phòng
Khoa Sức khỏe môi trường và Y tế trường học – Tầng 4, Tòa A

VILAS 513

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả				Giới hạn tối đa cho phép theo QCĐP 02:2023/TPHP
				Mẫu 1	Mẫu 2	Mẫu 3	Mẫu 4	
6	Nitrat (NO_3^- tính theo N)	mg/L	TCCS 36 : 2016	0,28	0,33	0,31	0,298	2
7	Chloride (Cl^-)	mg/L	TCVN 6194:1996*	19,88	19,17	19,17	19,17	300
8	Độ cứng tính theo $CaCO_3$	mg/L	TCVN 6224:1996	96	94	96	98	300
9	Chỉ số pecmanganat	mg/L	TCCS 42 : 2016	0,64	0,64	0,48	0,48	2
10	Clo dư tự do	mg/L	TCCS 26 : 2016	0,8	0,38	0,4	0,75	0,2 – 1,0
11	Coliform	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019*	< 1	<1	<1	<1	< 3
12	E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019*	< 1	<1	<1	<1	< 1

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp đối với chỉ tiêu hóa hoặc không phát hiện vi sinh vật mục tiêu trên thể tích mẫu thử đối với chỉ tiêu vi sinh)

Kết luận: 4/4 mẫu có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt theo QCĐP 02: 2023/TPHP (Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn thành phố Hải Phòng).

Hải Phòng, ngày 17 tháng 4 năm 2026

KHOA SKMT&YTTH TRƯỞNG KHOA	KHOA XN - CĐHA – TDCN TRƯỞNG KHOA	KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC
Lê Thị Mai Chi	Nguyễn Thị Quyến	Nguyễn Phúc Thiện

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Chú thích:
1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử.
2. Không được trích sao từng phần kết quả thử nghiệm nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của lãnh đạo TT Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng.
3. Tên, địa chỉ của khách hàng và mẫu được ghi theo yêu cầu của đơn vị gửi mẫu .
4. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định.
5. Chỉ tiêu có dấu * là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017
6. Chỉ tiêu có dấu ** là chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ

Được quét bằng CamScanner